

# AN NINH NGUỒN NƯỚC và chính sách quản lý

○ PGS. TS. LÊ ANH TUẤN  
Đại học Cần Thơ

*An ninh nguồn nước là một khái niệm mới trong các dạng an ninh phi truyền thống, được hiểu là sự bảo đảm về số lượng nước, chất lượng nước theo đúng thời điểm mà nhu cầu cho người và các hệ sinh thái liên quan cần đến. Trong bối cảnh nguy cơ thay đổi nguồn nước liên quan đến biến đổi khí hậu sẽ dẫn đến những hệ quả xáo trộn theo hướng tiêu cực, đặc biệt đối với một đất nước mà tất cả các hoạt động dân cư, bao gồm sản xuất nông lâm thủy sản, công nghiệp và cả việc duy trì hệ sinh thái đặc thù như Việt Nam.*

## Biến đổi khí hậu và các rủi ro thay đổi nguồn nước

Những năm gần đây, Việt Nam chứng kiến nhiều sự thay đổi quy luật theo mùa của các yếu tố thời tiết cực đoan (như bão tố, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở vùng đồi núi, xâm thực ven biển, ven sông,...) đang có xu thế gia tăng. Hiện tượng BĐKH và nước biển dâng không còn là những dự đoán mang tính dài hạn, mà đã có nhiều bằng chứng chứng tỏ sự bất thường của thiên nhiên xuất hiện với cường độ và tính chất ngày càng cực đoan hơn. Ngoài những khó khăn và hạn chế về TNN mặt, hiện tượng BĐKH và nước biển dâng ở quy mô toàn cầu làm vấn đề quản lý nước trên lưu vực ngày trở nên khó khăn hơn do nhiều yếu tố khó tiên đoán cho tương lai.

Nhiều mô phỏng toán học theo các kịch bản phát thải khí nhà kính đều cho thấy, trong

tương lai, nhiệt độ nhiều khu vực ở Việt Nam có xu thế gia tăng dẫn khiến khô hạn nghiêm trọng hơn, lượng mưa thay đổi thất thường, sự phân bố lượng mưa theo tháng đang có dấu hiệu biến động khác với những quy luật nhiều năm trước, bão tố dường như đang có hướng dịch chuyển xuống các tỉnh phía Nam vào cuối năm và khó dự báo hơn. Hiện tượng nước biển dâng đang diễn ra đe dọa không chỉ riêng cho các tỉnh vùng ven biển mà còn liên quan đến các vùng nước trong nội địa vùng Đồng bằng sông Hồng, ĐBSCL và vùng Duyên hải miền Trung. Nước biển dâng cao làm mất đất thu hẹp sản xuất và ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng lương thực. Cuộc sống cư dân ngày càng khó khăn do thiếu nguồn nước sinh hoạt và sản xuất. Nhiều dấu hiệu cho thấy, ngày càng nhiều người dân nông thôn bỏ lên thành thị để tìm sinh kế mới có ít nhiều liên quan đến sự

suy thoái TNN cũng như các nguồn tài nguyên liên quan như đất, rừng, sinh vật,...

Tại Việt Nam, hiện có hàng trăm công trình thủy điện và hồ chứa. Sự thay đổi bất thường lượng mưa, bão tố, lũ lụt hay hạn hán sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự vận hành an toàn các hệ thống thủy điện và hồ đập. Đặc biệt, TNN vùng ĐBSCL bị đe dọa do các ảnh hưởng nguy cơ chưa lường hết được từ các công trình khai thác nguồn nước ở các quốc gia thượng nguồn sông Mê Công. Hàng loạt đập nước - nhà máy thủy điện đang và sẽ hình thành trên các sông nhánh và cả dòng sông chính ở Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia khiến chế độ dòng chảy sẽ thay đổi. Trung Quốc và Thái Lan có triển khai các công trình chuyên nước từ sông Mê Công sang lưu vực khác trong nội địa của họ khiến nguồn nước thiếu hụt, đặc biệt là mùa khô. Cam-pu-chia đang có kế hoạch

mở rộng các hệ thống thủy nông để gia tăng diện tích canh tác lúa. Ngoài ra, việc phát triển các khu kỹ nghệ ven sông ở các nước thượng nguồn cũng sẽ làm chất lượng nước ở hạ lưu xấu hơn. Thực tế, vùng ĐBSCL đang và sẽ bị các tác động “kép” do cả yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đồng thời ảnh hưởng lên TNN khu vực.

### **Chiến lược và chính sách quản lý nước**

Chiến lược bảo vệ TNN được nhiều nhà khoa học nhấn mạnh qua việc quản lý LVS tổng hợp, trong đó, xem trọng các giải pháp ứng phó với BĐKH. Quản lý TNN tổng hợp bao gồm cả quản lý rủi ro, kết hợp quản lý đất và nước, dự báo, giám sát và lập kế hoạch dự phòng nhằm giảm nhẹ các hệ quả nghiêm trọng lên kinh tế. Việc tăng cường quản lý tổng hợp LVS dựa trên cơ sở tài nguyên đất và TNN trong lưu vực cần phải xem là một thể đồng nhất. Khi xem xét về hệ sinh thái sông ngòi thì cần được chú ý đến nguồn dinh dưỡng, dòng vi sinh vật vận chuyển trong nước và vật liệu bồi đắp từ phù sa.

Để đánh giá khả năng tiếp cận nguồn nước của cộng đồng có bảo đảm hay không, nhiều quốc gia đang sử dụng Chỉ số Nghèo Nước (Water Poverty Index - WPI). WPI được xem là một công cụ mới để quản lý nước tổng hợp áp dụng cho quy mô cộng đồng vì công cụ này tương đối dễ hiểu, dễ thực hiện, ít tốn kém, có thể dựa vào các số liệu sẵn có và quy trình minh bạch. Dựa vào WPI, các nhà hoạch định chính sách có thể đề xuất các ưu tiên trong tiến trình hành động và quan sát hướng đến các mục tiêu lợi ích (Sullivan và các cộng sự, 2003).

Rất nhiều biện pháp mà các nhà khoa học nêu ra để bảo vệ LVS theo cách tiếp cận tổng hợp đa ngành như đảm bảo dòng chảy tối thiểu cho môi trường, bảo vệ nghiêm ngặt rừng đầu nguồn, bảo vệ chất lượng nước, tuân thủ nguyên tắc xả thải ra nguồn, chống các hoạt động khai thác vật liệu trên hệ thống sông có thể gây sạt lở bờ, cân nhắc hợp lý các dự án thủy điện, cầu cảng, chuyển dòng chảy,... Đối với Việt Nam, nhằm bảo đảm sự cân bằng an ninh nguồn nước trong bối cảnh BĐKH và xem xét mối liên quan với an ninh lương thực và an ninh năng lượng, các giải pháp hành động tùy theo thực tế từng địa phương.

Về mặt chính sách, ngày 24/3/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 432/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản TNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp theo, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành ký Quyết định 1383/QĐ-TTg, ngày 4/8/2021, phê duyệt Đề án tổng kiểm kê TNN quốc gia, giai đoạn đến năm 2025. Ngày 23/12/2022, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1595/QĐ-TTg liên quan đến Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, 10 nhiệm vụ trọng tâm mà các bộ, ngành, địa phương cần tập trung thực hiện, bao gồm: Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới; hoàn thiện thể chế, chính sách về bảo đảm an ninh nguồn nước

và an toàn đập, hồ chứa nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước; nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và điều tra cơ bản; nâng cao năng lực tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai liên quan đến nước và BĐKH; nâng cao chất lượng nghiên cứu, phát triển, ứng dụng KH&CN, chuyên đổi số trong bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước; tăng cường BVMT, bảo vệ nguồn sinh thủy, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; tăng cường hợp tác, ngoại giao với các đối tác quốc tế và các quốc gia có chung nguồn nước với Việt Nam.

Luật TNN (sửa đổi) sắp tới là những cơ sở pháp lý quan trọng cho những định hướng thực hiện việc bảo đảm an ninh nguồn nước. Điều quan trọng nhất trong chiến lược bảo vệ TNN nói chung và LVS nói riêng là phải có sự tham gia của cộng đồng như là những chủ nhân đích thực của nguồn tài nguyên quý giá này. Mặc dù, Luật TNN và các văn bản pháp lý khác có khẳng định vai trò của Ủy ban LVS. Tuy nhiên, sự tham gia của các thành phần khác nhau, cơ chế cho người dân giám sát và sử dụng TNN vẫn chưa rõ ràng. Các hành vi làm tổn hại nguồn nước cần phải được tiếp tục bị chế tài bằng công cụ luật pháp và tòa án. Việc khôi phục, trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn và hai bên bờ sông cần phải đẩy mạnh và quản lý chặt chẽ hơn. ■